

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002226

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 10

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

TỔ: 001

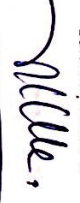
Ngày thi: 27/06/2022

Giờ: 07:30

Phòng thi: D5-29

T Hài

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 
Ngô Việt Khoa	Ngô Thị Xuân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120120633	LÃ ĐỨC	06/04/2002	CCQ2012C		1		7.3	4.5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120001	LÊ THỊ HOÀNG	24/04/2002	CCQ2012A		1		8.5	2.0	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200069	NGÔ THỊ MINH	02/02/2002	CCQ2020C		1		8.2	8.5	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120200285	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	15/05/1999	CCQ2020C		1		8.3	7.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120386	NGUYỄN GIA	05/02/2002	CCQ2012L		1		7	2.0	3.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120567	NGUYỄN THỊ NGỌC	16/09/2002	CCQ2012E		1		7.7	7.0	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120120488	CÁP THANH	03/05/2002	CCQ2012O		1		7.3	6.0	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120038	HUỖNH THỊ BẢO	18/08/2002	CCQ2012B		1		8.3	8.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120120247	HỒ THUY HÀ	12/10/2002	CCQ2012H		1		7.8	4.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120120612	TRƯƠNG THỊ THÚY	07/02/2002	CCQ2012R		1		7.0	1.0	3.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120319	LÊ VĂN	25/03/2001	CCQ2012J		1		7.3	5.0	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120073	NGUYỄN THỊ THANH	04/10/2002	CCQ2012C		1		7.3	4.0	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120112	ĐẶNG THỊ THU	25/01/2002	CCQ2012D		1		7.2	5.0	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120120042	NGUYỄN THỊ	13/07/2001	CCQ2012B		1		8.3	8.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120150	TRẦN THỊ	15/05/2001	CCQ2012E		1		7.7	9.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120200075	VÕ THỊ NGỌC	22/05/2001	CCQ2020C		1		8.2	4.5	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120120151	NGUYỄN THỊ DIỆU	23/01/2002	CCQ2012E		1		7.5	8.0	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120200004	TRẦN THỊ	12/02/2002	CCQ2020A		1		8.0	1.0	3.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2119200179	NGUYỄN THUY	12/07/2001	CCQ1920F							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120252	NGUYỄN NHỎ	26/09/2000	CCQ2012H		1		8.2	6.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)